

Số: 151/BC-THCS VTS

P. Lê Thanh Nghị, ngày 27 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG²

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Võ Thị Sáu
- 2. Địa chỉ:** Số 02 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng
- 3. Loại hình:** Công lập
- 4. Sứ mạng, tầm nhìn:**

*** Sứ mệnh:**

Xây dựng trường học Xã hội chủ nghĩa, môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, dân chủ và kỉ cương; học sinh được phát huy tối đa phẩm chất và năng lực, được phát triển toàn diện, mỗi ngày đến trường là một ngày hạnh phúc.

*** Các giá trị cơ bản để thực hiện sứ mệnh:**

Xây dựng và khẳng định niềm tin đối với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương bằng hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

- Tinh thần trách nhiệm;
- Tinh thần hợp tác, chia sẻ;
- Tinh thần đoàn kết;
- Tính trung thực và sáng tạo;
- Lòng tự trọng và nhân ái;
- Tinh thần cầu tiến và khát vọng vươn lên.

*** Tầm nhìn:** Năm 2027, khởi công trang bị CSVC của trường học XHCN theo tiến độ của đề án

Năm 2028, trường THCS Võ Thị Sáu tiếp tục công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3. Năm học 2026 – 2027 tiếp tục khẳng định là trường phát triển theo hướng hiện đại.

Đến năm 2030, trường THCS Võ Thị Sáu hoàn thành xây dựng thí điểm mô hình trường học Xã hội Chủ nghĩa, là trường có quy mô phát triển hiện đại, có chất lượng giáo dục toàn diện được khẳng định trong top đầu của thành phố Hải Phòng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Võ Thị Sáu thành lập năm 1927, địa chỉ đường Đại lộ Hồ Chí Minh.

Tháng 7 năm 2007 được thành phố xây dựng ngôi trường mới và chuyển địa điểm ra vị trí hiện nay với nhiệm vụ làm công tác giáo dục học sinh các khối lớp 6, 7, 8, 9 trong

địa bàn phường Trần Phú và các khu lân cận, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi tạo nguồn cho trường THPT chuyên Nguyễn Trãi.

Trường được công nhận trường tiếp tục đạt chuẩn Quốc gia năm 2013. Năm học 2014 - 2015 kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua tỉnh Hải Dương năm học 2015 - 2016”. Năm học 2016 - 2017 trường được UBND thành phố Hải Dương trao Quyết định công nhận trường trọng điểm chất lượng cao. Năm học 2017-2018 trường được UBND tỉnh tặng “Cờ thi đua” đơn vị xuất sắc ngành Giáo dục & Đào tạo. Năm 2018 trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Năm học 2024-2025 nhà trường được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương; Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Cờ thi đua của Tỉnh đoàn Hải Dương cho Liên đội.

Trường THCS Võ Thị Sáu có 72 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn: 100%, trong đó 12 giáo viên có trình độ thạc sĩ. Cơ cấu bộ môn đầy đủ, đội ngũ giáo viên có chuyên môn vững vàng, nhiệt tình tâm huyết, đạo đức nhà giáo mẫu mực, được học sinh kính trọng và cha mẹ học sinh tín nhiệm cao.

6. Thông tin người đại diện:

- Họ tên: Phạm Thanh Nga
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 02 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0949839293
- Email: thesvothisau.lethanhnghi@haiphong.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

Tổng số CBGVNV: 72, Hợp đồng 01, trong đó:

- 1. Đội ngũ nhà giáo: 66**
- 2. Cán bộ quản lý: 03**
- 3. Nhân viên: 03** (Thư viện, Văn thư, Kế toán)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số có 72 cán bộ; giáo viên; nhân viên.

- Toán: 15 (Toán – tin: 2; Toán – Hóa: 01)
- KHTN: 13 (Vật lí: 3; Hóa: 4; Sinh: 2; Hóa – Sinh: 3; Lý – Hóa – Sinh: 1)
- Tin: 2
- Công nghệ: 2

- Ngữ văn: 13
- Lịch sử: 4; Địa lí: 2
- GDCD: 2
- Âm nhạc: 2; Mĩ thuật: 2
- GDTC: 4
- Tiếng Anh: 8

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 72/72 = 100%; trong đó có 12 Thạc sĩ

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 72, đạt 100%

2. Thông tin cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất: 10 622m²

a. Số lượng, diện tích phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, phòng CMNV

- Phòng học: 32. Diện tích: 54 - 60 m²/phòng.

- Phòng bộ môn: 08.

- Nhà đa năng: 01

- Phòng tổ chuyên môn: 03. Diện tích: 18 m²/phòng.

- Phòng BGH: 03

- Phòng văn thư: 01 diện tích 12m²

- Phòng kế toán: 01 diện tích 12m²

- Phòng bảo vệ: 02 diện tích 10m²/phòng

b. Số lượng thiết bị dạy học hiện có có theo danh mục TBDH tối thiểu cấp THCS cũ: 03 bộ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt và không đạt, tổng số: 05 tiêu chuẩn có 28 tiêu chí

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 1: 28/28 = 100%

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 2: 28/28 = 100%

+ Tổng số các tiêu chí đạt mức 3: 20/20 = 100%

Căn cứ kết quả tự đánh giá đã nêu trên, đối chiếu với Thông tư của Bộ GD&ĐT, trường THCS Võ Thị Sáu nhận thấy: Trường đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá trong 05 năm tiếp theo và hàng năm

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 qua các giai đoạn 2017 – 2022, giai đoạn 2023 – 2028 theo quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương.

Năm học 2023 – 2024 trường được công nhận đạt KĐCLGD mức độ 3 theo Quyết định số 1025/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương.

- **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, đảm bảo nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đổi mới.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Đổi mới hình thức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

Tăng cường dạy TANN; Dạy toán song ngữ.

Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục STEM.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, kết hợp giữa đánh giá định kỳ và đánh giá thường xuyên.

Ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá, xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

Đẩy mạnh sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

Tăng cường dạy học trực tuyến, kết hợp giữa hình thức học truyền thống và học qua nền tảng số. Tăng cường ứng dụng AI vào giảng dạy.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề về giáo dục đạo đức, kỹ năng sống.

Đẩy mạnh giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc. Tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, giúp các em có định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tư vấn, đào tạo kỹ năng nghề. Huy động các nguồn lực từ cộng đồng để cải thiện cơ sở vật chất trường học. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nâng cao năng lực giảng dạy. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh và xã hội để nâng cao hiệu quả giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025 – 2026:

Tổng số học sinh từng khối

- Khối 6: 10 lớp 473 hs

- Khối 7: 9 lớp 394 hs

- Khối 8: 10 lớp 470 hs

- Khối 9: 9 lớp 404 hs

Tổng toàn trường: 1741 học sinh.

Kết quả tuyển sinh: Chỉ tiêu giao: 435; Kết quả: 473.

Số HS bình quân theo lớp: 45,82

Số HS khuyết tật: 21

Số HS chuyên đi: 52

Số HS chuyên đến: 60

1. Kết quả hai mặt GD:

KHỐI LỚP	TỔNG SỐ HỌC SINH	HỌC TẬP							
		TỐT		KHÁ		Đạt		CĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	473	310	65.54	131	27.70	31	6.55	1	0.21
7	394	240	60.91	118	29.95	25	6.35	11	2.79
8	470	293	62.34	133	28.30	41	8.72	3	0.64
9	404	270	66.83	91	22.52	34	8.42	9	2.23
CỘNG	1741	1113	63.93	473	27.17	131	7.52	24	1.38

KHỐI LỚP	TỔNG SỐ HỌC SINH	RÈN LUYỆN							
		TỐT		KHÁ		ĐẠT		Chưa Đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	473	465	98.31	8	1.69	0	0	0	0
7	394	380	96.45	14	3.55	0	0	0	0
8	470	457	97.23	13	2.77	0	0	0	0
9	404	393	97.28	11	2.72	0	0	0	0
CỘNG	1741	1695	97.36	46	2.64	0	0	0	0

2. Kết quả tham gia các cuộc thi:

2.1. Giáo viên:

- 08 giáo viên đạt danh hiệu GV cấp thành phố, trong đó 04 giáo viên được vinh danh Xuất sắc (môn Toán, Ngữ văn; KHTN 2 (Hóa học); Lịch sử); 61 gv đạt danh hiệu GVG cấp trường.

2.2. Học sinh:

* Về các môn văn hóa:

Giải Quốc tế: 01 HCD tại kỳ thi Olympic Toán học thế giới WIMO 2025 được tổ chức tại Đại học Hồng Kông Trung Quốc; 01 HCV kì thi Toán học Timo tổ chức tại Thái Lan.

Quốc gia: 9 hs đạt giải cuộc thi Tư duy Thuật Toán (BeBras) cấp Quốc gia gồm 3 giải Xuất sắc; 06 giải Giỏi.

- HS Phạm Gia Lâm lớp 6A đạt giải Bạc vòng QG Olympic Tin học Quốc tế HKICO 2026

- HS Đoàn Tuấn Nghĩa 7H đạt HCV với số điểm 97/100 vòng QG kì thi Toán Quốc tế HKIMO 2026

- 1 hs đạt 2 HCV; 1 hs đạt HCB toán học Timo cấp Quốc Gia

- 6 hs đạt giải Vòng QG kì thi Olympic Tiếng Anh Quốc tế WWC 2025: gồm 1 HCV; 1 HCB; 1 HCD; 3 giải Khuyến khích.

- 01 hs đạt giải Quốc gia (giải Ấn tượng) cuộc thi Viết về những kỉ niệm sâu sắc với thầy cô và mái trường.

- 01 hs đạt giải Khuyến khích cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU lần thứ 55 năm 2026

- 11 học sinh đạt giải Olympic Hóa học gồm: 1 HC Bạc; 4 HC Đồng; 6 giải KK

Giải cuộc thi HSG các môn văn hóa lớp 9:

- 28 học sinh đạt giải HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp phường gồm: 4 giải Nhì; 6 giải Ba và 18 giải KK; dự thi HSG TP Hải Phòng kết quả **01 hs đạt giải Nhất**; 2 hs đạt giải Ba; 1 HS đạt giải KK.

- 68 học sinh đạt giải HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp Trường gồm: 11 giải Nhất; 16 giải Nhì; 20 giải Ba và 21 giải Khuyến khích.

Giải cuộc thi HSG giải Toán và KHTN bằng tiếng Anh lớp 8:

- 38 học sinh lớp 8 đạt giải HSG cấp trường môn giải Toán, KHTN 8 giải bằng tiếng Anh gồm 06 giải Nhất; 8 giải Nhì; 10 giải Ba và 14 giải Khuyến khích.

- 19 hs lớp 8 đạt giải cấp Thành phố môn giải Toán, KHTN 8 bằng tiếng Anh trong đó có 5 giải Nhì; 10 giải Ba và 4 giải KK.

+ **Cuộc thi giao lưu với Hội Toán học Hoa kỳ AMC:** 15 học sinh tham gia cuộc thi AMC 10 kết quả cấp Trường đạt 2 giải Nhất; 01 giải Nhì; 01 giải Ba ; và 131 HS tham gia cuộc thi AMC8 vào ngày 25/1/2026 kết quả cấp Trường đạt 04 giải Nhất; 3 thí sinh lớp 6 đạt điểm cao toàn quốc; 03 giải Nhì, 08 giải Ba.

+ **Cuộc thi Đấu trường Toán học Vioedu:**

Cuộc thi Đấu trường Toán học – Vioedu cấp Phường đạt 76 giải Vàng; 41 giải Bạc; 30 giải Đồng; 17 giải KK và 41 hs được dự thi cấp thành phố (K6 28; K7: 6; K8: 4; K9: 3) đang chờ kết quả.

+ **Cuộc thi IOE (tiếng anh trên mạng internet):** + Có 251 hs các khối dự kỳ thi cấp trường (lớp 6 – 131 em; lớp 7 – 69 em; lớp 8 – 35 em; lớp 9 - 16 em), kết quả có 02 em đạt giải Nhất; 12 em đạt giải Nhì và 14 em đạt giải Ba, và 03 em vinh danh Giải Ba toàn Quốc. Có 156 em tiếp tục đủ đk dự kỳ thi IOE cấp Phường vào ngày 9/1/2026 kết quả 6 giải Nhất; 8 giải Nhì; 19 giải Ba; 14 giải Khuyến khích.

Thi cấp Thành phố đạt: 03 giải Nhì; 07 giải Ba; 18 giải KK. **Cấp Quốc gia**: 01 giải KK
+ **Cuộc thi Olympic chuyên Nguyễn Trãi** đạt 01 giải Ba

*** Về các môn Nghệ thuật, thể thao:**

+ 01 học sinh Phạm Gia Lâm lớp 6A đạt giải Bạc Liên hoan Âm nhạc Quốc tế Châu á Thái Bình dương

+ **Thi Cờ vua**: cấp Phường đạt 2 giải Nhất, 04 giải Nhì, 3 giải Ba; đạt giải Nhì toàn đoàn; thi cờ vua cấp thành phố đạt 01 giải Nhất nam; 01 giải Nhì nữ

+ **Thi Ban nhạc** 2 hs tham gia ngày 20/1/2026 đạt giải Nhì toàn đoàn; 01 hs đạt giải Nhất thành phố biểu diễn nhạc cụ dân tộc.

+ **Thi điền kinh**: *Cấp phường* đạt 5 giải Nhất (ném bóng, 2 em nhảy cao, nhảy xa, chạy 800m) 04 giải Nhì; 01 giải Ba. *Đông đội xếp thứ Nhất phường. Thi điền kinh cấp thành phố* có 5 học sinh tham gia đạt 01 giải Nhì; 01 giải Ba góp phần quyết định đưa phường Lê Thanh Nghị đạt giải Nhì thành phố (toàn phường có 1 giải Nhì, 2 giải Ba TP).

+ **Thi bơi**: *Cấp phường* 16 học sinh tham gia tất cả các nội dung và đạt **giải Nhất toàn đoàn** với 5 giải Nhất; 6 giải Nhì; 5 giải Ba. *Cấp TP* có 1 hs đạt giải Ba.

* Việc tích cực tham gia các cuộc thi học sinh giỏi nhằm giúp học sinh ôn tập, củng cố kiến thức, khơi dậy niềm đam mê với các môn học, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực hs, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Khen thưởng:

- Chi bộ nhà trường được đánh giá Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ và được Đảng bộ phường Lê Thanh Nghị tặng Giấy khen.

- Nhà trường được Sở GD&ĐT Hải Phòng tặng Giấy khen Trường THCS Võ Thị Sáu hoàn thành Xuất sắc công tác tổ chức Hội thi GVG thành phố cấp THCS năm học 2025-2026.

- Giấy chứng nhận Trường THCS Võ Thị Sáu đã góp phần tích cực cho sự thành công của kỳ thi Thách thức Tư duy Thuật Toán Bebras năm 2026 tại Việt Nam.

- Giấy chứng nhận Trường THCS Võ Thị Sáu đã góp phần tích cực cho sự thành công của kỳ thi Toán học Hoa Kỳ AMC8 năm 2026 tại Việt Nam

- Liên đội nhà trường được tặng cờ Thi đua đơn vị xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2024-2025 Quyết định số 946-QĐ/TĐTN-VP ngày 27/6/2025 của BTV Tỉnh Đoàn Hải Dương

- Liên đội trường THCS Võ Thị Sáu tặng danh hiệu “Đơn vị dẫn đầu trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi trường học” năm học 2024 – 2025, QĐ số: 13-QĐ/ĐTN ngày 15/5/2025 của Ban thường vụ Thành đoàn Hải Dương.

- 01 học sinh lớp 7 đạt HCV Toán Quốc tế được vinh danh học sinh tiêu biểu trong đại hội thi đua yêu nước thành phố Hải Phòng.

Trên đây là tóm tắt những kết quả trường THCS Võ Thị Sáu đã đạt được trong năm học vừa qua. Với sự nỗ lực quyết tâm, tinh thần đổi mới sáng tạo, thầy trò trường THCS

Võ Thị Sáu hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2025-2026 và được đề nghị Tập thể Lao động Xuất sắc, Bằng khen của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, dự toán Ngân sách năm 2025 theo QĐ 5099/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND thành phố Hải Dương và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của trường THCS Võ Thị Sáu;
Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		
DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM(2)	14.755.127.000	3.000.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3):	754.114.000	3.951.655.196
DỰ TOÁN GIẢM TK 5% (4):	12.000.000	
KINH PHÍ THU HỒI DO HẾT NGHIỆP VỤ CHI		287.669.000
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	15.497.241.000	6.663.986.196
DỰ TOÁN CHI	15.497.241.000	6.663.986.196
1. Tiền lương	8.442.598.491	

2. Phụ cấp lương	4.377.819.706	
3. Các khoản đóng góp	2.290.470.251	
4. Thanh toán dịch vụ công cộng	23.652.532	
5. Vật tư văn phòng	37.945.058	
6. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	574.576	
7. Hội nghị		
8. Công tác phí	15.579.263	
9. Chi phí thuê mướn	75.960.000	
10. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	67.095.787	
11. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	165.545.336	
12. Chi khác		
13. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh		36.864.000
14. Tiền thưởng		910.745.000
15. Các khoản thanh toán cho cá nhân		716.687.196

16. Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phụ vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		4.999.690.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	
CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	

b) Các khoản thu năm 2025

STT	Các khoản thu	Dư năm trước	Thu	Chi	Số dư	Ghi chú
1	Học phí	1.311.441.933	907.162.037	1.334.778.173	883.825.797	
2	Trông xe đạp	0	98.060.000	95.384.308	2.675.692	
3	Học thêm	52.152.918	692.340.000	744.492.918	0	
4	CSSKBĐ	81.626.358	118.227.091	36.138.883	163.714.566	
5	Tiếng Anh NN (100%)	14.272	129.640.000	129.654.272		
6	KNS		60.792.000	60.792.000	0	
7	Sổ LLĐT		148.360.000	148.360.000	0	
8	CLB	360	26.992.000	26.992.360	0	
9	Lao công		296.720.000	292.047.280	4.672.720	
10	Nước uống		56.000.000	56.000.000	0	
11	Tiền điện dùng điều hòa		87.393.302	87.393.302	0	
12	Tiền bán trú		180.525.148	170.424.576	10.100.572	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng hỗ trợ CPHT			
	Học kỳ 1 năm học 2025-2026	24	14.400.000	
	Học kỳ 2 năm học 2025-2026	23	17.250.000	Dự kiến duyệt, cấp kinh phí và TT vào Q3/2026
2	Đối tượng được hưởng học bổng, phương tiện đồ dùng			
	Học kỳ 1 năm học 2025-2026	4	22.464.000	
	Học kỳ 2 năm học 2025-2026	1	9.360.000	Dự kiến duyệt, cấp kinh phí và TT vào Q3/2026

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2025-2026			

1	Lao công	Kì I: hs/ tháng	20.000đ/hs/tháng x 4 tháng	
		Kì II	Không thu	
2	Nước uống	Kì I:	Không thu	
		Kì II: tháng/hs	10.000đ/tháng/hs x 5 tháng	
3	Xe đạp	Kì I: tháng/hs	10.000đ/tháng/hs x 4 tháng	
		Kì II xe đạp: hs/ tháng	20.000đ/tháng/hs x 5 tháng	
		Kì II xe đạp điện:hs/ tháng	30.000đ/tháng/hs x 5 tháng	
4	Số liên lạc điện tử	Kì I: tháng/hs Kì II: Không thu	10.000đ/tháng/hs x 4 tháng	
5	Thẻ học sinh	Hs/khóa học	30.000đ/hs/khóa học	
6	Tiền bán trú	Tiền ăn bán trú: hs/suất	23.750đ/hs/suất	
		Tiền công phục vụ bán trú kì I	200.000đ/tháng/hs	
		Tiền phụ phí bán trú kì I	35.000đ/tháng/hs	
		Tiền công phục vụ bán trú kì II	150.000đ/tháng/hs	

		Tiền phụ phí bán trú kì II	30.000đ/tháng/hs	
7	Câu lạc bộ	đồng/học sinh/tiết học	12.000/tiết	
8	TANN	đồng/học sinh/tiết học	40.000/tiết	
	KNS	đồng/học sinh/tiết học	12.000/tiết	
9	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm	631.800đ/hs/12 tháng	
	Tiền học Steam, NLS	đồng/học sinh/tiết học	30.000đ/tiết	
10	Điện sử dụng điều hòa	Căn cứ vào chỉ số công tơ để tính tiền điện phải nộp theo đơn giá trên hóa đơn . Thu theo năm học		

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng đến ngày 31/12/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc khác	Đồng	20.135.599	

III	Số dư tiền gửi kho bạc học phí	Đồng	883.825.797	lãi TGHP: 3.193.680đ
IV	Số dư TGTG NH Agribank	Đồng	188.216.002	
V	Số dư TKTG NH Vietinbank	Đồng	46.069.648	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	76	
II	Thuế TNCN phải nộp	Đồng	11.355.695	

6. Nguồn ngân sách 2026 (6 tháng đầu năm):

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)		
DỰ TOÁN GIAO (2)	16.543.904.000	861.045.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3):		690.891.000

DỰ TOÁN GIẢM TK 5% (4):		
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	16.543.904.000	1.551.936.000
DỰ TOÁN CHI	8.157.189.134	690.891.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	8.386.714.866	861.045.000

7. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2026

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG KỲ			KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN TRONG KỲ (ĐẾN 28/6/2026)				KINH PHÍ CHƯA SỬ DỤNG CHUYÊN KỲ SAU
		ĐƯ NẪM TRƯỚC CHUYÊN SANG	THU TRONG KỲ	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG	CHI HOẠT ĐỘNG	NỢ THUẾ GTGT	NỢ THUẾ TNDN	CỘNG	
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9	10
I	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ	895.299.781	516.934.000	1.412.233.781	443.904.924	5.847.000	7.201.400	458.657.324	953.576.457
1	Học phí	883.825.797	0	883.825.797	0	0	0	0	883.825.797
2	Trông xe đạp	2.675.692	116.940.000	119.615.692	67.000.000	5.847.000	5.847.000	78.694.000	40.921.692
3	Nước uống		85.200.000	85.200.000	83.483.200	852.000	852.000	85.187.200	12.800
4	CLB		195.504.000	195.504.000	182.014.224			182.014.224	13.489.776
5	Lao công	4.672.720	0	4.672.720	4.672.720			4.672.720	0
6	Công phục vụ bán trú		99.875.000	99.875.000	97.877.500		1.138.000	99.015.500	859.500
7	Phụ Phí bán trú	4.125.572	19.415.000	23.540.572	8.857.280		216.400	9.073.680	14.466.892
II	CÁC KHOẢN THU KHÁC	163.714.566	450.808.444	614.523.010	463.813.000	0	0	463.813.000	150.710.010

1	CSSKBD	163.714.566		163.714.566	17.390.000			17.390.000	146.324.566
2	Vận động tài trợ		450.808.444	450.808.444	446.423.000			446.423.000	4.385.444
III	CÁC KHOẢN THU HỘ	5.975.000	788.410.201	794.385.201	737.989.173	0	0	737.989.173	56.396.028
1	Tiền ăn bán trú	5.975.000	229.211.325	235.186.325	235.186.325			235.186.325	0
2	Tiếng Anh NN		246.340.000	246.340.000	246.340.000			246.340.000	0
3	KNS		150.504.000	150.504.000	150.504.000			150.504.000	0
4	Tiền học Steam, NLS		21.300.000	21.300.000	21.300.000			21.300.000	0
5	Điện điều hòa		89.514.876	89.514.876	33.118.848			33.118.848	56.396.028
6	Thẻ học sinh		51.540.000	51.540.000	51.540.000			51.540.000	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: Nhà trường tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, giúp linh hoạt hơn trong việc tổ chức giảng dạy. Việc phân cấp quản lý giáo dục đã được thực hiện, tạo điều kiện cho nhà trường chủ động trong việc sử dụng giáo viên, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với thực tiễn.

2. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục:

Nhà trường triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, bao gồm sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, áp dụng phần mềm quản lý giáo dục, giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và theo dõi kết quả học tập của học sinh.

3. Công tác quản lý dạy thêm, học thêm; quản lý và sử dụng sách tham khảo; công tác quản lý hoạt động dạy học.

Nhà trường thực hiện đúng các quy định về dạy thêm, học thêm nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục.

Việc sử dụng sách tham khảo trong các trường học được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục.

4. Kết quả thực hiện xã hội hóa giáo dục, tiếp nhận các nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường: Nhà

trường huy động được sự đóng góp từ cộng đồng để cải thiện cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GDĐT; quản lý các khoản tài trợ theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018: Nhà trường thực hiện công khai thông tin theo quy định, đảm bảo minh bạch trong quản lý tài chính và chất lượng giáo dục.

6. Kết quả triển khai xây dựng các mô hình trường học

* **Mô hình trường học:** Nhà trường triển khai xây dựng và thực hiện thành công đồng thời 3 mô hình:

+ Mô hình “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng”: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sổ sách điện tử - Xây dựng Ngân hàng ngữ liệu môn Ngữ văn trong kho Học liệu số. Việc xây dựng mô hình trường học được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch, đạt kết quả cao đã làm thay đổi phong cách làm việc của cán bộ giáo viên nhân viên, đem lại nhiều tiện ích cho quá trình tích lũy tri thức, kinh nghiệm giảng dạy, giáo viên có nhiều thời gian dành cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dạy học.

+ Mô hình “Trường học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Thân thiện”: Nhà trường phát động Tết trồng cây, tận dụng sức mạnh tổng hợp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để trồng cây xanh, hoa để tạo bóng mát và làm đẹp khuôn viên trường. Cung cấp đầy đủ thùng rác, nhà vệ sinh sạch sẽ, nước sạch và xà phòng để học sinh rửa tay. Thường xuyên quét dọn và vệ sinh trường lớp. Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, phát huy tính chủ động, sáng tạo và hợp tác. Tổ chức các hoạt động thi đua và phong trào để học sinh cảm thấy mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

+ Mô hình “Trường học điển hình về dạy Ngoại ngữ”: là một cách hiệu quả để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ngoại ngữ trong nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm Anh ngữ HOPE Edu để thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp với từng cấp học, bao gồm các hoạt động học tập phong phú như thảo luận nhóm, thuyết trình, và các dự án thực tế, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên để nâng cao năng lực giảng dạy ngoại ngữ. Khuyến khích giáo viên sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại và công nghệ thông tin trong lớp học. Xây dựng các câu lạc bộ ngoại ngữ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa như giao lưu văn hóa, thi hùng biện, và các cuộc thi viết luận bằng ngoại ngữ. Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy như sử dụng phần mềm học ngoại ngữ, các ứng dụng di động, và các trang web học tập trực tuyến.

Mô hình trường học Xã hội chủ nghĩa: Trường THCS Võ Thị Sáu vinh dự được UBND; Sở giáo dục và Đào tạo TP Hải Phòng lựa chọn là 1 trong 9 trường MN; TH; THCS trong toàn thành phố và là trường duy nhất khu vực Tây Hải Phòng thực hiện thí điểm đề

án xây dựng trường học XHCN giai đoạn 2026-2030. Thực hiện mô hình này trường được đầu tư 28,9 tỉ đồng cho xây mới 3 công trình phụ trợ + đầu tư 36 phòng học thông minh + 1 bể bơi + thư viện điện tử + thiết bị Stem + xây dựng Hệ sinh thái số GD + Quản trị số, thiết bị CNTT + đầu tư trang thiết bị đạt chuẩn và trang thiết bị vận hành mô hình trường học XHCN. Tiến độ thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026 thực hiện các bước khởi động, lập hồ sơ dự toán các công trình; bắt đầu khởi công xây dựng từ năm 2027 và cơ bản hoàn thành cuối năm 2028.

7. Công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh: tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục và hỗ trợ học sinh, 1 năm định kì tổ chức 3 cuộc họp (đầu năm học, cuối kì 1, cuối năm học) giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường và gia đình.

8. Công tác thông tin, tuyên truyền: Trang website và fanpage của trường hoạt động đều, nhiều bài chất lượng, góp phần quan trọng trong việc phổ biến thông tin giáo dục, quảng bá hình ảnh nhà trường.

9. Đánh giá

- **Ưu điểm:** Tăng cường tự chủ giúp các trường linh hoạt hơn trong quản lý giáo dục. Ứng dụng công nghệ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và quản lý. Xã hội hóa giáo dục giúp huy động nguồn lực từ cộng đồng. Công khai minh bạch giúp đảm bảo sự giám sát của xã hội.

- **Hạn chế:** Thiếu thiết bị đồ dùng dạy học, gây khó khăn cho giáo viên trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới.

- **Nguyên nhân:** Thiếu nguồn lực tài chính, ảnh hưởng đến việc mở rộng các chương trình giáo dục.

V. Công tác tham mưu, quản lý, hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã.

1. Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động đối với nhiệm vụ GDTX; tham mưu với UBND phường về chỉ đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ (có minh chứng về các văn bản: số văn bản; văn bản tham mưu, chỉ đạo; thời gian ban hành; (nêu rõ những giải pháp mang tính chủ động, sáng tạo của đơn vị, phù hợp với điều kiện địa phương).

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục thường xuyên được đẩy mạnh, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (GDTX) tập trung vào việc xây dựng xã hội học tập.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ hoạt động giáo dục cộng đồng.

- Tổ chức các hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức về giáo dục thường xuyên.

2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên của

các TTHTCD; công tác xây dựng thí điểm TTHTCD điển hình

- Cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng do ngành giáo dục, do nhà trường tổ chức và thường xuyên tự bồi dưỡng, tự học tập nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và quản lý.

- Các chương trình tập huấn tập trung vào: Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy. Phương pháp giáo dục, dạy học tích cực giúp nâng cao hiệu quả học tập của học sinh và cộng đồng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH NGA**